



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kỹ Thuật & Kiểm Soát Chất Lượng**

Laboratory: **Technical & Quality Control Department**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Bình Dương**

Organisation: **Saigon-Binh Duong Brewery, Sabibeco Group**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1018**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa, sinh**

Field: **Chemical, biological**

Người quản lý: **Nguyễn Huy Cường**

Laboratory manager: **Nguyen Huy Cuong**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /08/2026 đến ngày /08/2031**

Địa chỉ: **Lô B2 /47-48-49-50-51, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp B, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Address: **Lot B2 /47-48-49-50-51, Tan Dong Hiep B Industrial Park, Tan Dong Hiep Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam**

Địa điểm: **Lô B2 /47-48-49-50-51, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp B, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Location: **Lot B2 /47-48-49-50-51, Tan Dong Hiep B Industrial Park, Tan Dong Hiep Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam**

Điện thoại/ Tel: **0274 374 1981**

Email: **knbd@sabeco.com.vn**

Website: **www.sabibeco.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1018

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	4,0 ~ 9,0	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
2.		Xác định độ kiềm tổng số và độ kiềm composit Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of total and composite alkalinity Titrimetric method</i>	0,4 mmol/L	TCVN 6636- 1:2000
3.		Xác định hàm lượng Clorua Chuẩn độ bạc nitrate với chỉ thị màu cromat (phương pháp MO) <i>Determination of Chloride content Silver nitrate titration with chromate indicator (Mohr's method)</i>	5 mg/L	TCVN 6194:1996 (ISO 9297:1989)
4.		Xác định tổng Canxi và Magie Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of the sum Calcium and Magnesium EDTA titrimetric method</i>	5 mg/L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)
5.	Bia <i>Beer</i>	Xác định chỉ số I-ốt. Phương pháp đo quang. <i>Determination of Iodine value. Spectrophotometric method.</i>	0,08	MEBAK B- 400.04.110,2020
6.		Xác định độ đắng. Phương pháp đo quang. <i>Determination of Bitterness. Spectrophotometric method.</i>	(13 ~ 36) BU	Analytica – EBC Method 9.8; 2020
7.		Xác định độ cồn Phương pháp cận hồng ngoại <i>Determination of Alcohol Near Infrared Spectroscopy method</i>	(0,37~ 8,77)% (v/v)	Analytica – EBC Method 9.2.6; 2008
8.		Xác định hàm lượng Carbon dioxide hòa tan. Phương pháp giãn nở thể tích <i>Determination of dissolved carbon dioxide content Volume expansion method</i>	(2,47~ 6,20) g/L	Analytica-EBC Menthod 9.28.5; 2008

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1018**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Bia <i>Beer</i>	Xác định Diacetyl và các chất diketone khác Phương pháp đo quang <i>Determination of Diacetyl and other diketones Spectrophotometric method.</i>	0,028 mg/L	Analytica – EBC Method 9.24.1; 2000
10.		Xác định độ bền bọt sử dụng máy đo NIBEM-T. <i>Determination of Foam stability using the NIBEM-T Meter</i>	(160 ~ 310) s	Analytica – EBC Method 9.42.1; 2004

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/ *Vietnam Standards*
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- Analytica - EBC: Phương pháp phân tích chuẩn của châu Âu về bia ấn hành bởi EBC/ *The European reference analytical methods for breweries by EBC*
- MEBAK: Ủy ban phân tích kỹ thuật nấu bia Trung Âu/ *Mittelerropäische Brautechnische Analysenkommision*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1018****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh***Field of testing: Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Định lượng <i>Escherichia coli</i> và vi khuẩn Coliform Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Escherichia coli and Coliform bacteria Membrane filtration method</i>		TCVN 6187- 1:2019
2.	Bia <i>Beer</i>	Định lượng vi sinh vật Đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật đổ đĩa <i>Enumeration of microorganisms Colony count at 30°C by the pour plate technique</i>		TCVN 4884- 1:2015
3.		Định lượng nấm men và nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0.95 <i>Enumeration of yeast and moulds Colony count technique in products with water activity greater than 0.95</i>		TCVN 8275- 1:2010 (ISO 21527- 1:2008)

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/ *Vietnam Standards*
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*

Trường hợp Chi nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây-Nhà máy bia Sài Gòn-Bình Dương cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Chi nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây-Nhà máy bia Sài Gòn-Bình Dương phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Saigon-Binh Duong Brewery, Sabibeco Group that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

